TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG PHÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2017/HNGĐ-ST.
Ngày: 31– 7 – 2017.
V/v Tranh chấp ly hôn
và chia tài sản chung khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thạch Thanh Tâm.
2. Ông Nguyễn Văn Thuận

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Buốl– Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Bích-Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2017/TLST–HNGĐ, ngày 10/04/2017, về "*Tranh chấp ly hôn và chia tài sản chung khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2017/QĐXX-ST, ngày 11/7/2017, giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn:* Chị Trần Kim A.
Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

-*Bị đơn:* Anh Tô Thanh D.
Nơi cư trú: Ấp X, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 04 năm 2017 và các tài liệu khác có trong hồ sơ, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, nguyên đơn chị Trần Kim A (chị Kim A) trình bày: Vào ngày 24/12/2009 chị Kim A với anh Tô Thanh D (anh D) kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, sau kết hôn chị Kim A và anh D sống hạnh phúc, khoảng ba năm trở lại đây chị Kim A và anh D xảy ra nhiều mâu thuẫn với nhau, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị Kim A với anh

D sống ly thân với nhau từ ngày 30/01/2017 đến nay. Trong quá trình chung sống chị Kim A và anh D không có con chung.

Về tài sản chung: Có diện tích 3.000m^2 đất tọa lạc tại ấp M, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng, trên đất có 56 cây dừa đã có trái, 04 chỉ vàng cưới dùng để thuê người cải tạo đất năng rù thành đất vườn. Số tài sản trên hiện do anh D đứng tên và đang quản lý sử dụng.

Về nợ chung: Không có.

Nay chị Kim A yêu cầu Tòa án huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Kim A được ly hôn với anh D.
- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.
- Về tài sản chung: Yêu cầu chia tài sản chung diện tích đất 3.000m^2 trị giá 150.000.000 đồng và 22.400.000 đồng tài sản trên đất là 56 cây dừa, tiền công sức cải tạo đất 25.000.000 đồng.

Ngày 21/4/2017 chị Kim A có đơn xin rút lại một phần yêu cầu Khởi kiện cụ thể là không yêu cầu chia diện tích đất 3.000m^2 đất trị giá 150.000.000 đồng tọa lạc tại ấp M, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày ngày 17/4/2017, biên bản hòa giải ngày 19/5/2017 và các tài liệu khác có trong hồ sơ cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn anh Tô Thanh D (anh D) trình bày: anh D thống nhất với lời trình bày của chị Trần Kim A về thời gian kết hôn, thủ tục kết hôn, con chung và nợ chung đúng như chị Trần Kim A trình bày. Về tài sản chung, theo như chị Trần Kim A trình bày có diện tích 3.000m^2 (2.959m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) đất trồng lúa thuộc thửa 191, tờ bản đồ số 6 tọa lạc tại ấp M, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (thửa 191) là không đúng, vì diện tích đất trên là của cha mẹ anh D cho anh D trước khi anh D cưới chị Trần Kim A, quyền sử dụng đất được cấp do anh D đứng tên. Còn phần 56 cây dừa đã có trái là do anh D và chị Kim A trồng trong lúc còn chung sống với nhau và đây là tài sản chung của vợ chồng, nhưng số dừa này đã chết 04 cây chỉ còn 51 cây, anh D đồng ý chia trị giá số dừa này khi mới trồng là 40.000 đồng/cây tổng cộng là 2.040.000 đồng. Về số tiền cải tạo đất hoang thành đất vườn anh D thừa nhận trong thời kỳ hôn nhân có bỏ ra 25.000.000 đồng để cải tạo đất anh không đồng ý chia số tiền này vì đất này của anh D anh đã bỏ tiền ra để thuê người cải tạo đất.

Về mâu thuẩn giữa anh D với chị Trần Kim A đúng như chị Trần Kim A trình bày nên anh không bổ sung gì thêm.

Nay, với các yêu cầu của chị Kim A, anh có ý kiến như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh D đồng ý ly hôn với Trần Kim A.
- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.
- Về tài sản chung: Anh D không đồng ý chia đôi số tiền 25.000.000 đồng tiền công sức cải tạo trên đất mà anh chỉ đồng ý chia đôi giá trị 51 cây dừa còn lại tính giá trị cây con lúc mới trồng một cây là 40.000 tổng cộng là 2.040.000 đồng.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

** Xét yêu cầu khởi kiện giải quyết ly hôn của chị Trần Kim A đối với anh Tô Thanh D, chia tài sản chung là 22.400.000 đồng giá trị tài sản trên đất và 25.000.000 đồng số tiền đầu tư cải tạo đất* :

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Kim A và anh D đều thừa nhận trong khoảng thời gian 03 năm trở lại đây cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc phát sinh nhiều mâu thuẩn do bất đồng quan điểm sống, thường gây gỗ, cự cải nhau, vợ chồng đối xử không tôn trọng nhau chính quyền địa phương đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành anh chị đã sống ly thân từ ngày 30/01/2017 cho đến nay. Từ những chứng cứ trên cho thấy trong quá trình chung sống với nhau chị Kim A và anh D phát sinh nhiều mâu thuẩn kéo dài và ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được tình cảm vợ chồng không còn, khó có thể hàn gắn được tại phiên tòa hôm nay chị Kim A và anh D thừa nhận cuộc sống chung của anh chị không có hạnh phúc, tình cảm không còn, chị Kim A và anh D thống nhất ly hôn với nhau. Do đó căn cứ vào Điều 85, Điều 91, khoản 1 Điều 89 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Kim A.

[2] Về con chung và nợ chung: Chị Kim A và anh D không có con chung hay con nuôi, không có thiếu nợ ai, không yêu cầu nên tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Theo đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện chị Trần Kim A ngày 21/4/2017 (Bút lục số 35) thể hiện rỏ chị Kim A không khởi kiện yêu cầu chia đôi tài sản chung là 3.000m^2 (2.959m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) trồng lúa thuộc thửa 191, tờ bản đồ số 6 tọa lạc tại ấp M, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng nữa. Tại phiên tòa hôm nay chị Kim A cũng khẳng định lại việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện như đã nêu trên. Xét thấy, việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của chị Kim A là hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc hay đe đọa, do đó yêu xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của chị Kim A được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với số tiền cải tạo đất 25.000.000 đồng và 51 cây dừa có trên đất (thửa 191) trị giá là 22.550.000 đồng (Được xác định theo biên bản xem xét thẩm định tại chổ ngày 16/6/2017 và biên bản định giá tài sản cùng ngày), (Bút lục số: 57, 59). Anh Tô Thanh D thừa nhận việc cải tạo 3.000m^2 đất thửa 191 từ đất hoang hóa thành đất vườn được thực hiện từ năm 2010 trong thời kỳ hôn nhân, tổng số tiền bỏ ra để cải tạo đất là 25.000.000 đồng và tài sản chung của vợ chồng có trên đất là 51 cây dừa nêu trên. Với sự thừa nhận của anh D như trên căn cứ vào khoản 2 Điều 92

của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử kết luận chi phí cải tạo đất (thửa 191) là 25.000.000 đồng và tài sản chung của vợ chồng có 51 cây dừa trên thửa đất 191 trị giá 22.550.000 đồng là tài sản chung của vợ chồng. Do đó, yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng của chị Kim A đối với khối tài sản nêu trên là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận. Tại phiên tòa hôm nay anh D không chứng minh được khối tài sản trên là tài sản riêng của mình. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình ý kiến của anh D cho rằng tiền cải tạo đất là tiền riêng của anh và chỉ đồng ý chia trị giá 51 cây dừa bằng 2.040.000 đồng là không có căn cứ để hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về chi phí định giá tài sản: Chi phí định giá tài sản là 1.000.000 đồng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự, chị Trần Kim A có nghĩa vụ chịu 500.000 đồng, anh Tô Thanh D có nghĩa vụ chịu 500.000 đồng. Do chị Trần Kim A đã đóng tạm ứng trước toàn bộ chi phí thẩm định, định giá tài sản là 1.000.000 đồng, nên anh Tô Thanh D có nghĩa vụ hoàn lại cho chị Trần Kim A 500.000 đồng.

[5] Về án phí sơ thẩm: Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay anh Tô Thanh D yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí cho anh, do gia đình anh thuộc diện hộ nghèo. Xét thấy, Tại phiên tòa sơ thẩm anh Tô Thanh D cung cấp cho tòa án giấy chứng nhận gia đình anh thuộc diện hồ nghèo. Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí tòa án, yêu cầu của anh D có cở sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Chị Trần Kim A phải chịu 5% giá trị tài sản được chia: (11.200.000 đồng + 12.500.000 đồng) X 5% = 1.185.000 đồng và 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo bản án: căn cứ vào các Điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay, vị đại diên Viện Kiểm Sát phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử tiến hành nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục tố tụng. Đối với những người tham gia tố tụng thì trước và tại phiên tòa hôm nay đều chấp hành đúng quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng tại tòa án. Tại phiên tòa sơ thẩm Hội đồng xét xử, thư ký thực hiện đúng trình tự thủ tục tại phiên tòa. Về nội dung, Vị đại diện Viện kiểm sát nêu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Xác định tiền cải tạo đất và giá trị tài sản có trên đất theo kết quả thẩm định định giá là tài sản chung của vợ chồng và phân chia theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

***** Căn cứ vào: điểm c khoản 1 điều 217, khoản 3 Điều 218, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 2 Điều 147, khoản 2 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 85, Điều 91, khoản 1 Điều 89 khoản 1, 3 Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự

***** Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Kim A được ly hôn với anh Tô Thanh D .

2. Về con chung và nợ chung: Chị Trần Kim A và anh Tô Thanh D đều xác định không có con chung, con nuôi, không có nợ chung không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét, giải quyết

4. Về tài sản chung :

-Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Kim A về việc yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là 3.000m^2 (2.959m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) trồng lúa thuộc thửa 191, tờ bản đồ số 6 tọa lạc tại ấp M, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

-Anh Tô Thanh D được sở hữu 51 cây dừa trồng trên thửa đất 3.000m^2 (2.959m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) trồng lúa thuộc thửa 191, tờ bản đồ số 6 tọa lạc tại ấp M, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng trong đó có 34 cây loại A; 15 cây loại B và 03 cây loại C. 51 cây dừa này anh Tô Thanh D đang quản lý. Anh Tô Thanh D có nghĩa vụ hoàn lại cho Chị Trần Kim A số tiền 23.700.000 đồng (Hai mươi ba triệu, bảy trăm nghìn đồng). Kể từ ngày chị Trần Kim A có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi anh Tô Thanh D trả xong cho chị Trần Kim A toàn bộ số tiền 23.700.000 đồng (Hai mươi ba triệu bảy trăm nghìn đồng), thì hàng tháng anh Tô Thanh D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thiếu theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

5.Về chi phí định giá tài sản: Chi phí định giá tài sản là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), chị Trần Kim A có nghĩa vụ chịu 500.000 đồng, anh Tô Thanh D có nghĩa vụ chịu 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng). Anh Tô Thanh D có nghĩa vụ hoàn lại cho chị Trần Kim A 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng).

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

-Chị trần Kim A không phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của vợ chồng đã rút đối với 3.000m^2 (2.959m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) trồng lúa thuộc thửa 191, tờ bản đồ số 6 tọa lạc tại ấp M, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Chị Trần Kim A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 1.185.000 đồng (Một triệu một trăm tám mươi lăm nghìn đồng) án phí chia tài sản chung, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 4.310.000 đồng (Bốn triệu ba trăm mười nghìn đồng nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006758 ngày 10 tháng 04 năm

2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng. Chị Trần Kim A được nhận lại số tiền 2.825.000 (Hai triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng)

-Anh Tô Thanh D không Phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Long Phú.*
- *Các đương sự.*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*
-*UBND xã Tân Thạnh, huyện Long Phú*
- *TAND tỉnh Sóc Trăng*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trung Hà